



ĐIỀU LỆ HỢP NHẤT
CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

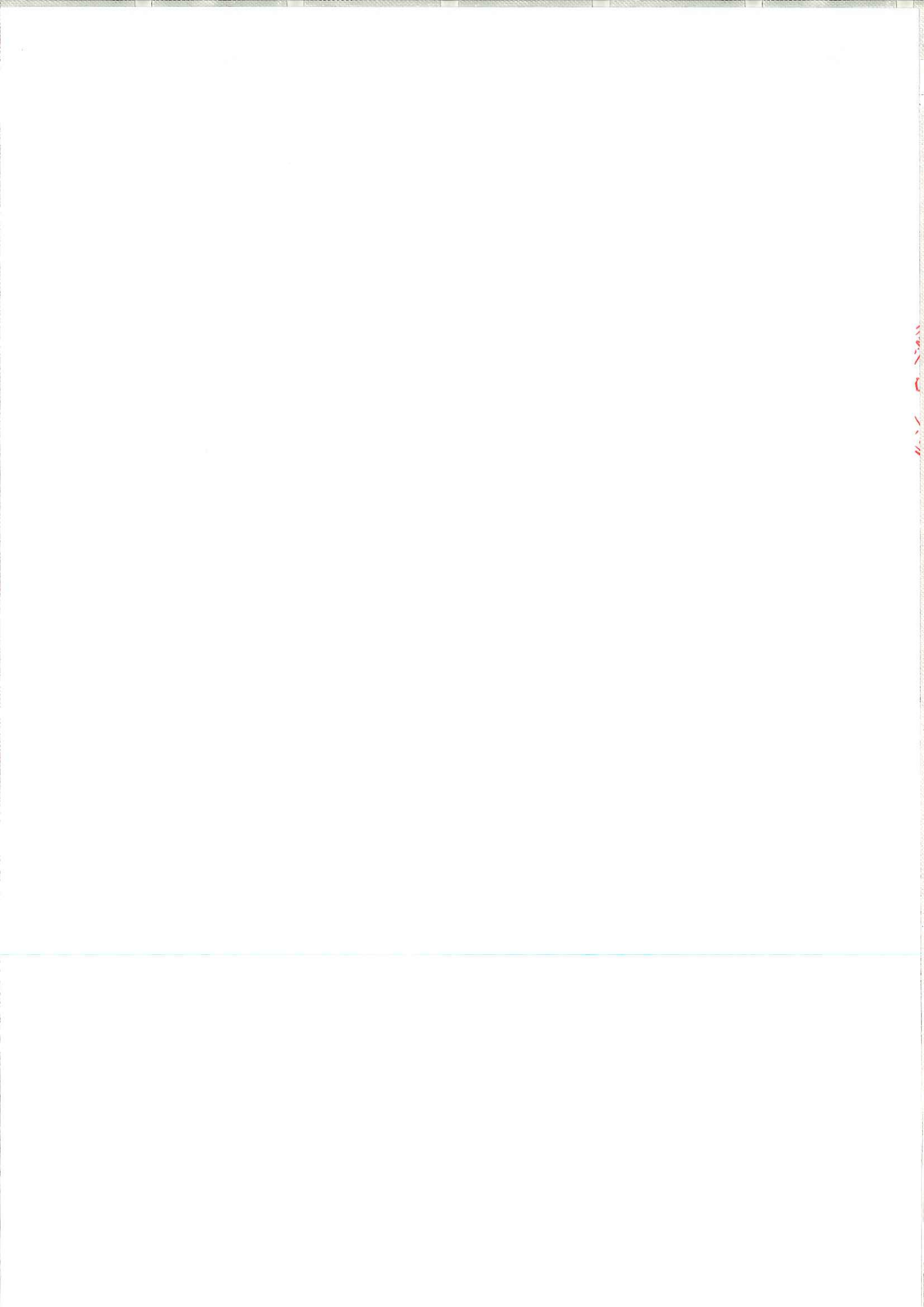
Tháng 11 năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG VÀ ĐỊNH NGHĨA	5
ĐIỀU 1. CÁC BÊN	5
ĐIỀU 2. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH.....	5
ĐIỀU 3. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CỦA CÔNG TY	8
ĐIỀU 4. THÀNH LẬP CÔNG TY.....	9
CHƯƠNG II: MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI.....	10
ĐIỀU 5. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI KINH DOANH.....	10
ĐIỀU 6. PHẠM VI TIÊU THỤ	11
CHƯƠNG III: VỐN ĐẦU TƯ VÀ ĐĂNG KÝ VỐN.....	11
ĐIỀU 7. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ.....	11
ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ.....	11
ĐIỀU 9. KẾ HOẠCH GÓP VỐN ĐIỀU LỆ	12
ĐIỀU 10. GIẤY CHỨNG NHẬN PHẦN VỐN GÓP.....	13
ĐIỀU 11. VỐN VAY	13
ĐIỀU 12. THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ.....	14
CHƯƠNG IV: QUYỀN LỢI THAM GIA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG.....	16
ĐIỀU 13. MUA LẠI PHẦN VỐN GÓP	16
ĐIỀU 14. CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP.....	16
ĐIỀU 15. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ĐỐI VỚI PHẦN VỐN GÓP	17
ĐIỀU 16. SỔ ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN	18
CHƯƠNG V: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN	18
ĐIỀU 17. QUYỀN CỦA CÁC BÊN.....	18

ĐIỀU 18.	NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN	19
CHƯƠNG VI: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP		20
ĐIỀU 19.	CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY	20
ĐIỀU 20.	HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN.....	20
ĐIỀU 21.	HỌP HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN.....	21
ĐIỀU 22.	QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN.....	23
ĐIỀU 23.	HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CHẤP THUẬN.....	25
ĐIỀU 24.	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	26
ĐIỀU 25.	PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN.....	26
ĐIỀU 26.	TỔNG GIÁM ĐỐC	26
ĐIỀU 27.	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	30
ĐIỀU 28.	NGHĨA VỤ CẢN TRỌNG VÀ TRUNG THÀNH	31
ĐIỀU 29.	XUNG ĐỘT QUYỀN LỢI.....	31
CHƯƠNG VII: LỢI NHUẬN, TÀI CHÍNH- KẾ TOÁN, NGÂN HÀNG, VÀ LƯƠNG THƯỞNG.....		31
ĐIỀU 30.	PHÂN CHIA LÃI VÀ LỖ.....	31
ĐIỀU 31.	TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN.....	32
ĐIỀU 32.	THUẾ.....	33
ĐIỀU 33.	THÙ LAO, LƯƠNG VÀ THƯỞNG.....	34
ĐIỀU 34.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG VÀ NGOẠI HỐI.....	34
CHƯƠNG VIII: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM		34
ĐIỀU 35.	CÁC CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG	34
CHƯƠNG IX: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....		36
ĐIỀU 36.	CHẤM DỨT.....	36

ĐIỀU 37.	GIẢI THỂ	37
ĐIỀU 38.	THỦ TỤC GIẢI THỂ.....	37
ĐIỀU 39.	QUYỀN MUA LẠI KHI GIẢI THỂ.....	39
CHƯƠNG X:	CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC.....	40
ĐIỀU 40.	CÁC TÀI LIỆU CẦN LƯU GIỮ	40
ĐIỀU 41.	LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	41
ĐIỀU 42.	NGÀY HIỆU LỰC.....	41
ĐIỀU 43.	CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC	41



CHƯƠNG I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG VÀ ĐỊNH NGHĨA

ĐIỀU 1. CÁC BÊN

Bản Điều lệ này của Công ty được lập bởi và giữa các bên sau đây¹:

1.1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN MASAN THÁI NGUYÊN (“MRTN”)

Trụ sở chính:	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
GCN Đăng ký doanh nghiệp số:	0309960069
Đăng ký tại:	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM
Ngày:	07 tháng 05 năm 2010
Đại diện theo Pháp luật:	Ông Nguyễn Bích Hà Nguyên
Chức vụ:	Chủ tịch Công ty

1.2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN (“TNTI”)

Trụ sở chính:	Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1 TP. Hồ Chí Minh
GCN Đăng ký doanh nghiệp số:	0310352925
Đăng ký tại:	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM
Ngày:	15 tháng 10 năm 2010
Đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Bích Hà Nguyên
Chức vụ:	Chủ tịch công ty

ĐIỀU 2. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

2.1 Trừ khi ngữ cảnh có quy định cụ thể khác đi, các thuật ngữ sau đây sẽ được áp dụng trong Điều lệ này:

“**Công ty Thành viên**” nghĩa là bất kỳ công ty mẹ hoặc công ty con của một Bên và bất kỳ công ty nào mà công ty mẹ hoặc công ty con của Bên đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, nắm giữ trên 50% số vốn có quyền biểu quyết hoặc vốn pháp định hoặc vốn điều lệ;

¹ Sửa đổi lần 1, ngày 25/01/2012.

“**Hoạt động Kinh doanh**” có nghĩa là các hoạt động của Công ty như được mô tả tại Điều 5 của Điều lệ này;

“**Điều lệ**” có nghĩa là Điều lệ này của Công ty, làm cơ sở của các quy định và chuẩn mực cho Công ty và các Bên tương ứng trong Công ty, được sửa đổi và bổ sung tùy từng thời điểm;

“**Vốn Điều lệ**” có nghĩa là toàn bộ số vốn do tất cả các bên tham gia đóng góp vào Vốn Điều lệ của Công ty như đăng ký với Cơ quan Cấp phép;

“**Kế toán trưởng**” nghĩa là Kế toán chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc, người quản lý các công việc tài chính hàng ngày của Công ty theo Điều 31.2 của Điều lệ này;

“**Công ty**” có nghĩa là Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo được các Bên thành lập theo Điều lệ này;

“**Ngày**” nghĩa là bất kỳ ngày dương lịch nào, ngay cả khi thuật ngữ này không bắt đầu với chữ cái viết hoa.

“**Ngày Hiệu lực**” nghĩa là ngày mà Điều lệ này có hiệu lực pháp lý theo Điều 42 của Điều lệ này;

“**Luật Doanh nghiệp**” nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm;

“**Giấy Chứng nhận Đầu tư**”, “**Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh**” nghĩa là Giấy CNĐT, Giấy CNĐKKD do Cơ quan Cấp phép cấp cho Công ty, được sửa đổi và bổ sung theo từng thời điểm;

“**Pháp luật**” có nghĩa là bất kỳ và tất cả các luật, nghị định, quyết định, thông tư, quy chế và văn bản pháp luật có liên quan khác mà bất kỳ Cơ quan Nhà nước nào của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và tất cả các điều ước, công ước, hiệp định, nghị định thư quốc tế ràng buộc nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm) áp dụng đối với Công ty hoặc Hoạt động Kinh doanh của Công ty;

“**Cơ quan Cấp phép**” nghĩa là Cơ quan cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cho Công ty;

“**Vốn Vay**” nghĩa là phần Vốn Đầu tư không được góp vốn làm Vốn Điều lệ;

“**Các thành viên**” nghĩa là các thành viên của Hội đồng Thành viên;

“**Hội đồng Thành viên**” nghĩa là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty bao gồm các Đại diện do các Bên chỉ định, các nội dung chi tiết về Hội đồng Thành viên được quy định tại Điều 20 của Điều lệ này;

“**Mỏ**” có nghĩa là khu đất trong Khu Vực Dự Án được xác định theo tọa độ theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1710/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 21 tháng 9 năm 2010;

“**Tháng**”, nghĩa là tháng theo dương lịch, ngay cả khi thuật ngữ này không bắt đầu với chữ cái viết hoa;

“**Bên không Tham gia**” nghĩa là bất kỳ bên nào không phải là MRTN, TNTI hoặc các bên kế nhiệm hoặc được chuyển nhượng của MRTN, TNTI;

“**Người Quản Lý**” có nghĩa là Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, các Giám đốc chuyên môn, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công Ty được Hội Đồng Thành Viên hoặc do Tổng Giám Đốc bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ này;

“**Phần Vốn góp**” của bất kỳ Bên nào tại bất kỳ thời điểm nào là quyền lợi của bất kỳ Bên nào tại bất cứ thời điểm nào được tính theo tỉ lệ phần trăm trọn vẹn trong Công ty, như quy định tại Điều 8, và luôn luôn nhất quán, không thay đổi ngoại trừ trường hợp bị giảm đi mà các điều khoản của Điều lệ này cho phép; Phần Vốn góp của một Bên được dựa trên Vốn Điều lệ của Bên đó và được thể hiện bằng tỉ lệ phần trăm của tổng Vốn Điều lệ.

“**Các Bên**” nghĩa là gọi chung cho MRTN và TNTI (bao gồm trong trường hợp khác, khi ngữ cảnh yêu cầu, các bên tiền nhiệm, kế nhiệm và nhận chuyển nhượng của các bên này);

“**Bên**” nghĩa là MRTN hoặc TNTI, hoặc các bên kế nhiệm hoặc bên nhận chuyển nhượng của MRTN hoặc TNTI;

“**Sổ Đăng ký Thành viên**” nghĩa là sổ đăng ký các bên được định nghĩa tại Điều 16 của Điều lệ này;

“**Sản Phẩm**” có nghĩa là đồng, vonfram, bitmut, fluorit, các sản phẩm trực tiếp của các khoáng sản này và các sản phẩm khác được khai thác và chế biến trong Khu Vực Dự Án.

“**Khu Vực Dự Án**” có nghĩa là khu vực Công Ty được quyền thực hiện Dự án khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo theo Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000026 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21 tháng 7 năm 2010;

“**Người Có Liên Quan**” có nghĩa là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

- (a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
- (b) Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
- (c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
- (d) Người quản lý doanh nghiệp;
- (e) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên sở hữu phần vốn góp chi phối;
- (f) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và e của định nghĩa này;
- (g) Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và h của định nghĩa này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
- (h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

“Đại diện” nghĩa là cá nhân do một Bên chỉ định đại diện quyền lợi của Bên đó trong Hội đồng Thành viên;

“CHXHCNVN” hoặc “Việt Nam” nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

“Tổng vốn Đầu tư” nghĩa là tổng vốn đầu tư được quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

2.2 Trong Điều lệ này:

- a) Các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.
- b) Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.

ĐIỀU 3. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CỦA CÔNG TY

3.1 Tên của Công ty:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO**

Tên tiếng Anh: **NUI PHAO MINING COMPANY LTD**

Tên giao dịch: **NUI PHAO MINING**

- 3.2 Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam²;
- 3.3 Công ty có thể thành lập các chi nhánh và văn phòng đại diện ở các địa điểm khác theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 4. THÀNH LẬP CÔNG TY

- 4.1 Công ty được thành lập là một công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) hai thành viên hoạt động theo các quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.
- 4.2 Công ty sẽ tiếp tục hoạt động với thời hạn tối đa mà Pháp luật cho phép.
- 4.3 Các Bên đều sẽ không phải chịu trách nhiệm về hoạt động của Công ty vượt ngoài phần góp vốn tương ứng của họ vào Vốn Điều lệ. Lợi nhuận và các rủi ro của Công ty sẽ được chia đều cho các Bên theo tỉ lệ đóng góp tương ứng của họ vào Vốn Điều lệ.
- 4.4 Trách nhiệm của Công ty đối với bất kỳ hành vi, sai sót hay vi phạm hợp đồng nào sẽ chỉ do Công ty chịu. Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, không một Bên nào phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các khoản nợ hay nghĩa vụ của Công ty ngoài Phần góp vốn tương ứng của Bên đó vào Vốn Điều lệ, và Công ty không phải chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ của các Bên. Công ty phải bồi hoàn các Bên đối với bất kỳ và tất cả các tổn thất, thiệt hại hoặc trách nhiệm mà các Bên phải gánh chịu đối với các khiếu nại của bất kỳ Bên không tham gia nào phát sinh từ các hoạt động của Công ty.
- 4.5 Công ty được hưởng tư cách pháp nhân theo Pháp luật và có quyền được bảo đảm hoàn toàn và được hưởng mọi lợi ích và thuận lợi của Pháp luật. Cụ thể, Công ty có quyền, nhân danh mình, ký kết các thỏa thuận, mua sắm tài sản và các quyền không phải là tài sản, thực hiện các nghĩa vụ và xuất hiện trước tòa hoặc cơ quan trọng tài với tư cách là bên nguyên đơn hoặc bên bị đơn. Công ty có bảng cân đối tài sản riêng và hoạt động trên cơ sở hạch toán chi phí đầy đủ.

² Sửa đổi lần thứ 3, ngày 06/10/2014.

CHƯƠNG II: MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI

ĐIỀU 5. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI KINH DOANH

5.1 Mục đích của Công ty là đóng góp vào sự phát triển của ngành khai thác và chế biến khoáng sản tại Việt Nam và đạt được những khoản thu về kinh tế thỏa đáng cho Các Bên bằng các hoạt động được tiến hành theo quy định trong Điều lệ này.

5.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty là³:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Khai thác, chế biến vàng, đồng, vonfram, fluorit, và bismut)	0730 (Chính)
2	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
3	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước (thăm dò khoáng sản))	7110
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
5	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
6	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
7	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

³ Sửa đổi lần 2, ngày 20/03/2014

11	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12	Bốc xếp hàng hóa	5224
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
14	Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công Ty kinh doanh	8299

5.3 Ngoài các lĩnh vực kinh doanh nêu trên, Công Ty có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh khác mà Pháp Luật không cấm và Hội Đồng Thành Viên xét thấy có lợi nhất cho Công Ty.

ĐIỀU 6. PHẠM VI TIÊU THỤ

- 6.1 Các Sản phẩm sẽ được tiêu thụ tại Việt Nam và trên thị trường quốc tế với những điều khoản và điều kiện tốt nhất. Trong trường hợp tiêu thụ các Sản phẩm tại Việt Nam, các điều khoản về tiêu thụ không được kém thuận lợi hơn so với các điều khoản mà Công ty có thể có được trên thị trường ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- 6.2 Công ty có quyền tự do ấn định giá cả của các Sản phẩm có tính đến chất lượng sản phẩm và nhu cầu thị trường.

CHƯƠNG III: VỐN ĐẦU TƯ VÀ ĐĂNG KÝ VỐN

ĐIỀU 7. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ

Tổng Vốn Đầu tư của Công ty bao gồm:

- (a) Vốn Điều lệ do các Bên đóng góp chiếm ít nhất 30% Tổng Vốn Đầu tư; và
- (b) Các khoản tín dụng và các khoản vay, bao gồm bất kỳ khoản vay nào Công ty vay từ các Bên hoặc từ các tổ chức tài chính (Vốn Vay) chiếm 70% Tổng Vốn Đầu tư.

ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ⁴

⁴ Sửa đổi lần 2, ngày 20/03/2014

8.1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 4.789.010.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn nghìn bảy trăm tám mươi chín tỷ mười triệu đồng*) và đã được các Thành Viên đóng góp đủ tại thời điểm ban hành Điều Lệ này như sau:

(a) Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên góp 4.070.658.500.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn nghìn không trăm bảy mươi tỷ sáu trăm năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng Việt Nam*), chiếm tám mươi lăm phần trăm (85%) Vốn Điều Lệ;

(b) Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên góp 718.351.500.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm mười tám tỷ ba trăm năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng Việt Nam*), chiếm mười lăm phần trăm (15%) Vốn Điều Lệ.

8.2. Tất cả các tài sản được các Thành Viên đóng góp vào Vốn Điều Lệ sẽ là tài sản của Công Ty. Trường hợp một Thành Viên đóng góp các tài sản không phải bằng tiền mặt vào Vốn Điều Lệ, các Thành Viên phải đạt được thỏa thuận về giá trị các tài sản đó.

ĐIỀU 9. KẾ HOẠCH GÓP VỐN ĐIỀU LỆ

9.1 Các kế hoạch góp vốn bổ sung vào Vốn Điều Lệ của Công Ty được quyết định bởi Hội Đồng Thành Viên.

9.2 Phần vốn bổ sung sẽ được các Bên đóng góp theo tỉ lệ tương ứng với Phần Vốn góp của các Bên.

9.3 Nếu một Bên ("**Bên vi phạm**") không thực hiện việc đóng góp theo kế hoạch kế tiếp liên quan đến việc tăng Vốn Điều lệ, thì áp dụng các quy định sau:

(a) Bên vi phạm sẽ nợ Công ty số tiền còn thiếu và có sáu (6) tháng để đóng góp phần vốn còn thiếu đó cộng với tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn tối đa mà Pháp luật cho phép hoặc mức lãi suất được các Bên đồng ý được tính từ ngày đến hạn đóng góp theo kế hoạch cho đến ngày thực thanh toán. Trong suốt thời gian này, Bên vi phạm chỉ có các quyền tương ứng với Phần Vốn Góp đã góp.

(b) Nếu Bên vi phạm không đóng góp và trả lãi khi kết thúc thời hạn là sáu (6) tháng kể từ ngày đến hạn theo kế hoạch góp vốn, (các) Bên không vi phạm có quyền lựa chọn các việc sau theo thứ tự ưu tiên:

i. Với sự chấp thuận của Hội Đồng Thành Viên (trong trường hợp này, Bên vi phạm không có quyền biểu quyết), một hoặc một số thành viên trong số các Bên không vi phạm góp phần vốn còn thiếu vào Công ty theo tỷ lệ

Phần Vốn Góp của họ và tiếp quản Phần Vốn góp tương ứng với số tiền nợ;

- ii. Với sự chấp thuận của Hội Đồng Thành Viên (trong trường hợp này, Bên vi phạm không có quyền biểu quyết), mời một hoặc nhiều Bên không tham gia góp một phần hoặc toàn bộ phần vốn còn thiếu đó vào Công ty để đổi lấy Phần Vốn góp tương ứng với số tiền nợ;
- iii. Điều chỉnh Vốn điều lệ của Công ty để phản ánh phần vốn thiếu hụt đối với việc góp Vốn Điều lệ và điều chỉnh Phần Vốn góp của các Bên để phản ánh tỉ lệ Vốn Điều lệ thực tế được đóng góp.

9.4. Bất cứ Bên nào chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với Phần Vốn Góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của Công Ty phát sinh trong thời gian trước ngày Công Ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của các Bên.

ĐIỀU 10. GIẤY CHỨNG NHẬN PHẦN VỐN GÓP

10.1 Tại thời điểm góp đủ Phần Vốn Góp, Công Ty phải cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho Thành Viên tương ứng với giá trị phần vốn đã góp.

10.2 Giấy chứng nhận bao gồm các nội dung sau:

- (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
- (b) Vốn điều lệ của Công Ty;
- (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức;
- (d) Phần vốn góp, giá trị vốn góp của mỗi Bên;
- (e) Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp; và
- (f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

10.3 Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, Bên đó phải thông báo ngay cho Công Ty và được Công Ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp theo trình tự, thủ tục quy định của Công Ty.

ĐIỀU 11. VỐN VAY

- 11.1 Công ty sẽ vay vốn theo các điều khoản và điều kiện được các Bên và Công ty chấp thuận để bổ sung phần vốn vượt quá Vốn Điều lệ mà Công ty cần có.
- 11.2 Vốn Vay sẽ được áp dụng với các điều khoản và điều kiện tương tự như các ngân hàng thương mại hàng đầu bên ngoài Việt Nam yêu cầu đối với các khoản vay vốn cho các dự án tại Việt Nam và Hội đồng Thành viên sẽ đánh giá các điều khoản và điều kiện của khoản vay bảo đảm thỏa mãn quy định này.
- 11.3 Công ty có quyền sử dụng các tài sản, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn đến các quyền đối với bất kỳ hợp đồng cho thuê, quyền sử dụng đất, tòa nhà, nhà xưởng, thiết bị, động sản, nguồn thu nhập hoặc các quyền hợp đồng khác của công ty để xác lập biện pháp bảo đảm đối với Vốn vay cho Công ty theo yêu cầu của các bên cho vay.
- 11.4 Nếu các bên cho vay hoặc các bên bảo lãnh yêu cầu biện pháp bảo đảm bổ sung cho các tài sản của Công ty thì mỗi Bên sẽ chịu trách nhiệm cung cấp thế chấp đó trong phạm vi được Pháp luật cho phép như sau:
- (a) biện pháp bảo đảm có thể được chấp nhận đối với các bên cho vay và, vì mục đích của điều này, bao gồm thế chấp, nhượng quyền dưới hình thức bảo đảm, cầm cố, quyền nắm giữ tài sản, đặt cọc bảo đảm hoặc ký quỹ, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác, hoặc thư xác nhận vay vốn; và
 - (b) trừ khi các bên cho vay có yêu cầu khác, biện pháp bảo đảm được xác lập để thực hiện các khoản vay theo tỉ lệ Phần Vốn góp tương ứng của các Bên tại thời điểm vay.
- 11.5 Trừ khi các bên cho vay có yêu cầu khác, bất kỳ biện pháp bảo đảm nào được xác lập theo Điều 11.5 của Điều lệ này sẽ là riêng biệt và không liên đới.
- 11.6 Nhằm mục đích của điều này, "các khoản vay" bao gồm bất kỳ hình thức thu xếp tài chính nào kể cả vay vốn, tín dụng, tín phiếu, và thư tín dụng.
- 11.7 Các bên đồng ý rằng bất kỳ khoản vay nào cũng có thể được rút vốn, hoàn trả toàn bộ hoặc từng phần và được rút lại theo các yêu cầu của Công ty tùy từng thời điểm và phù hợp với hợp đồng vay vốn có liên quan.
- 11.8 Các Bên đồng ý rằng Công ty sẽ ký các thỏa thuận bồi hoàn với bất kỳ Bên nào đảm bảo bất cứ nghĩa vụ nào của Công ty, ngược lại Công ty sẽ đảm bảo bồi thường thiệt hại cho Bên đó, đối với những thiệt hại phát sinh liên quan đến việc bảo lãnh đó.

ĐIỀU 12. THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

- 12.1 Trường hợp Hội Đồng Thành Viên quyết định tăng Vốn Điều Lệ thì việc tăng vốn này sẽ theo trình tự như sau:

- i. Công ty phải thông báo cho các Bên biết các điều khoản và điều kiện dự kiến của phần Vốn Điều lệ Tăng thêm được dự kiến ("**Thông báo**");
- ii. bất kỳ phần Vốn Điều lệ Tăng thêm nào cũng sẽ theo tỉ lệ tương ứng với Phần Vốn góp hiện tại của các Bên hoặc theo sự xác định của Hội đồng Thành viên và phù hợp với Pháp luật;
- iii. Các Bên có quyền không bỏ phiếu phản đối việc tăng Vốn Điều lệ có quyền, nhưng không có nghĩa vụ để tham gia một phần hoặc toàn bộ vào phần Vốn Điều lệ dự kiến tăng thêm ("**Quyền**");
- iv. nếu một Bên không chấp thuận Quyền của Bên đó trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày có Thông báo hoặc nếu Bên đó không chấp thuận toàn bộ Quyền của mình, thì bất kỳ phần không được chấp nhận hoặc bổ sung nào ("**Quyền Bổ sung**") sẽ được chào cho các Bên khác theo tỉ lệ tương ứng với Phần Vốn góp của các Bên tại thời điểm đó, nhưng chỉ khi các Bên này đã chấp nhận hết Quyền của mình;
- v. một Bên có quyền chấp nhận toàn bộ Quyền bổ sung nếu không có Bên nào chấp nhận;
- vi. các Bên khác có mười bốn (14) ngày để chấp nhận Quyền Bổ sung;
- vii. căn cứ vào sự chấp thuận của các Bên, Công ty phải làm đơn đề nghị Cơ quan Cấp phép phê chuẩn việc tăng Vốn Điều lệ theo tỉ lệ dự kiến và, khi mọi giấy phép và khi phê chuẩn cần thiết được hoàn tất, các Bên có nghĩa vụ góp Vốn theo cách thức được Hội đồng Thành viên xác định; và
- viii. trường hợp các Bên đồng ý và góp vào phần Vốn Điều lệ tăng thêm, thì sẽ có sự điều chỉnh Phần Vốn góp của các Bên theo tỉ lệ tương ứng với phần đóng góp của mình, hoặc phần không đóng góp, vào Vốn tăng thêm và theo công thức sau:

$$P = [A/(A+B)] \times 100$$

trong đó:

P là Phần Vốn góp của Bên đó;

A là tổng cộng Vốn Điều lệ thực tế và được coi là do Bên đó góp vốn cho đến ngày tính toán; và B là tổng Vốn Điều lệ thực tế và được coi là do các Bên khác góp vốn cho đến ngày tính toán

- 12.2 Trường hợp Hội đồng Thành viên quyết định giảm bất kỳ phần nào của Vốn Điều lệ thì phần vốn giảm đó phải được sự phê chuẩn bởi một nghị quyết của Hội đồng Thành viên

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

do các Đại diện nắm giữ ít nhất 75% tổng Phần Vốn góp của tất cả các Bên có mặt tại phiên họp Hội đồng Thành viên thông qua.

12.3 Hội đồng Thành viên có quyền quyết định giảm Vốn Điều lệ bằng các phương thức sau:

- (a) hoàn trả một phần vốn góp cho các Bên theo tỉ lệ vốn góp Phần Vốn góp, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho các Bên;
- (b) mua lại Phần Vốn góp theo Điều 13 của Điều lệ này;
- (c) các phương thức khác được Pháp luật cho phép.

CHƯƠNG IV: QUYỀN LỢI THAM GIA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG

ĐIỀU 13. MUA LẠI PHẦN VỐN GÓP

13.1 Một Bên có quyền yêu cầu Công ty mua lại Phần Vốn góp của mình nếu Đại diện của Bên đó bỏ phiếu biểu quyết phản đối các quyết định của Hội đồng Thành viên về các vấn đề sau:

- (a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ liên quan đến các quyền và nghĩa vụ của các Bên hoặc, Hội đồng Thành viên;
- (b) Tổ chức lại Công ty;

13.2 Việc yêu cầu mua lại Phần Vốn góp phải được lập thành văn bản và được gửi tới Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày tính từ ngày thông qua các quyết định về các vấn đề được nêu tại các đoạn (a) và (b) của Điều 13.1 trong Điều lệ này.

13.3 Nếu không thể thỏa thuận được giá của Phần Vốn góp, Công ty phải mua lại Phần Vốn góp theo giá trị ghi sổ hiện tại trong sổ sách kế toán của Công ty trong thời hạn mười lăm ngày kể từ thời điểm nhận được yêu cầu. Thanh toán chỉ được thực hiện nếu Công ty có đủ nguồn để hoàn trả các khoản nợ và hoàn tất các nghĩa vụ vật chất khác sau khi mua lại toàn bộ Phần Vốn góp đó.

13.4 Trường hợp Công ty không mua lại phần vốn góp theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thành viên đó có quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc người khác không phải là thành viên.

ĐIỀU 14. CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP

14.1 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 13.4 Điều 13 của Điều lệ này và khoản 5 và khoản 6 Điều 54 của Luật Doanh Nghiệp, một Bên có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn

bộ Phần Vốn góp của mình cho một Bên không tham gia nếu Phần Vốn góp đã được chào tới tất cả các Bên còn lại khác trong Công ty theo tỷ lệ tương ứng với Phần Vốn góp của họ với cùng điều kiện. Thông báo chào bán phải bao gồm:

- (a) Dự định chuyển nhượng Phần Vốn góp của Bên bán;
 - (b) Các điều khoản của việc chuyển nhượng dự kiến; và
 - (c) Thông tin về các Bên không tham gia dự kiến (nếu có) được chào Phần Vốn góp trong trường hợp các Bên khác không chấp nhận việc chào bán.
- 14.2 Phần vốn góp (hoặc một phần của Phần Vốn góp) chỉ có thể được chuyển giao cho một Bên không tham gia khi tất cả các Bên còn lại từ chối hoặc không thể mua lại Phần Vốn góp (hoặc một phần của Phần Vốn góp đó) trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày chào bán.
- 14.3 Bên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với Công Ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên của Công Ty.
- 14.4 Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi Phần Vốn Góp của các Bên dẫn đến chỉ còn một thành viên trong Công Ty, Công Ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.
- 14.5 Một Bên có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại Công ty cho người khác. Trường hợp người được tặng cho là vợ, chồng, cha, mẹ, con, người có quan hệ họ hàng đến hàng thừa kế thứ ba thì đương nhiên là thành viên của Công ty. Trường hợp người được tặng cho là người khác thì chỉ trở thành thành viên của Công ty khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.

ĐIỀU 15. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ĐỐI VỚI PHẦN VỐN GÓP

- 15.1 Không Bên nào được quyền thế chấp, cầm cố hoặc trao hoặc xác lập biện pháp thế chấp đối với Phần Vốn góp của Bên đó nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Hội đồng Thành viên.
- 15.2 Nếu một Bên sử dụng Phần Vốn góp của mình làm biện pháp bảo đảm cho việc thực hiện một nghĩa vụ theo Điều 15.1 của Điều lệ này, thì bên được bảo đảm khi xử lý tài sản bảo đảm có thể sử dụng một trong hai cách sau:
- (a) Trở thành một Bên của Công ty nếu được Hội đồng Thành viên chấp thuận; hoặc

- (b) Chào bán và chuyển nhượng Phần Vốn góp đó theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ này.

ĐIỀU 16. SỔ ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN

16.1 Công Ty phải lập sổ đăng ký thành viên với các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
- (b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Thành Viên là cá nhân; tên, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với Thành Viên là tổ chức;
- (c) Phần Vốn Góp, giá trị vốn đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng Thành Viên;
- (d) Chữ ký của Thành Viên là cá nhân hoặc của người đại diện theo pháp luật của Thành Viên là tổ chức;
- (e) Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng Thành Viên.

16.2 Sổ Đăng ký Thành viên được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG V: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

ĐIỀU 17. QUYỀN CỦA CÁC BÊN

Thành viên có các quyền sau đây:

- (a) Tham dự họp Hội Đồng Thành Viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên.
- (b) Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục Sổ Đăng ký Thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng Thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của Công ty;

- (c) Được chia lợi nhuận tương ứng với Phần Vốn Góp sau khi công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật.
- (d) Được chia giá trị tài sản còn lại của Công Ty tương ứng với phần vốn góp khi Công Ty giải thể hoặc phá sản.
- (e) Được ưu tiên góp thêm vốn vào công ty khi Công Ty tăng Vốn Điều Lệ.
- (f) Định đoạt Phần Vốn Góp của mình bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho và cách khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
- (g) Tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ Tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc, người đại diện theo pháp luật và Người Quản Lý khác theo quy định tại Điều 72 của Luật Doanh Nghiệp.
- (h) Trừ trường hợp quy định tại Điều 14.1(i), thành viên, nhóm thành viên sở hữu từ 10% số vốn điều lệ trở lên còn có thêm các quyền sau đây:
 - (i) Yêu cầu triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền;
 - (ii) Kiểm tra, xem xét, tra cứu sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
 - (iii) Kiểm tra, xem xét, tra cứu và sao chụp sổ đăng ký thành viên, biên bản họp và nghị quyết của Hội Đồng Thành Viên và các hồ sơ khác của Công Ty;
 - (iv) Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Hội Đồng Thành Viên trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc họp Hội Đồng Thành Viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
- (i) Trường hợp Công Ty có một thành viên sở hữu trên 90% Vốn Điều Lệ thì nhóm thành viên còn lại đương nhiên có quyền theo quy định tại đoạn (h) của Điều này.
- (j) Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

ĐIỀU 18. NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Các Bên có nghĩa vụ như sau:

- (a) Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty, trừ trường hợp Pháp Luật quy định khác.
- (b) Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Pháp Luật quy định khác.
- (c) Tuân thủ Điều Lệ này.
- (d) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên.
- (e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty để thực hiện các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công Ty và gây thiệt hại cho người khác;
 - Thanh toán khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.
- (f) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

CHƯƠNG VI: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

ĐIỀU 19. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

19.1 Công ty có cơ cấu quản lý sau:

- (a) Hội đồng Thành viên; và
- (b) Chủ tịch Hội đồng Thành viên; và
- (c) Tổng giám đốc.

19.2 Hội đồng Thành viên quyết định thành lập các phòng, ban theo đề nghị của Tổng giám đốc.

ĐIỀU 20. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

20.1 Hội đồng Thành viên, gồm các Đại diện do các Bên chỉ định, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Hội đồng Thành viên có tối đa bốn (04) Đại diện, trong đó MRTN chỉ định tối đa ba (03) Đại diện và TNTI chỉ định một (01) Đại diện.

20.2 Hội đồng Thành viên có một Chủ tịch Hội đồng Thành viên với các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 24 của Điều lệ này. Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ do MRTN đề

cử.

- 20.3 Trong trường hợp có miễn nhiệm hoặc khuyết Đại diện trong Hội đồng Thành viên, thì Bên ban đầu đề cử vị trí hiện tại bị khuyết sẽ chỉ định một người khác thay thế trong thời hạn ba mươi (30) ngày và phải gửi văn bản thông báo tới Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định.
- 20.4 Quy trình miễn nhiệm hoặc cách chức Chủ tịch như sau: Bên chịu trách nhiệm đề cử Chủ tịch sẽ thay thế Chủ tịch hay cũ bằng một người khác. Ngay khi việc thay thế này có hiệu lực, Hội đồng Thành viên sẽ tổ chức một cuộc họp để bầu hoặc phủ quyết Chủ tịch mới.
- 20.5 Mỗi Đại diện có quyền chỉ định một người được ủy quyền để thực hiện các quyền và quyền hạn của mình bằng cách gửi thư ủy quyền cho Chủ tịch và cơ quan đăng ký kinh doanh có liên quan nếu Pháp luật quy định, trừ khi Bên chỉ định Đại diện đó cấm điều này.
- 20.6 Các Đại diện trong Hội đồng Thành viên không được nhận lương cho các hoạt động của họ. Tuy nhiên, họ có quyền được hưởng một số phụ cấp cho việc thực hiện các công việc của một Đại diện. Hội đồng Thành viên sẽ xác định những khoản phụ cấp này và các chi phí này được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

ĐIỀU 21. HỌP HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

- 21.1 Hội đồng thành viên được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại khoản (i) và khoản (j) Điều 17 của Điều lệ này.
- 21.2 Chủ tịch chuẩn bị chương trình của cuộc họp Hội đồng Thành viên. Từng Đại diện trong Hội đồng Thành viên sẽ được gửi chương trình họp Hội đồng Thành viên cùng các tài liệu có liên quan cho cuộc họp đó qua phương tiện thông tin điện tử, fax, điện thoại hoặc bằng văn bản, bảy (7) ngày trước cuộc họp đó. Mỗi Đại diện có quyền gửi văn bản bổ sung các vấn đề và nội dung khác vào chương trình họp tới người triệu tập cuộc họp ít nhất một (01) ngày trước khi bắt đầu cuộc họp đó. Các vấn đề được gửi đến này có thể được bổ sung ngay trước khi bắt đầu cuộc họp Hội đồng Thành viên nếu được đa số các thành viên dự họp đồng ý.
- 21.3 Trong trường hợp Chủ tịch không tổ chức họp theo yêu cầu như được quy định tại các Điều 21.1 và 21.2 trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tổ chức họp, thì Bên yêu cầu họp có quyền triệu tập họp nếu yêu cầu bằng văn bản. Yêu cầu này phải nêu được lý do triệu tập họp, chương trình dự kiến, họ tên và chữ ký của từng Bên yêu cầu.
- 21.4 Cuộc họp Hội đồng Thành viên được tiến hành khi có số Đại diện dự họp đại diện cho ít nhất 75% Vốn Điều lệ. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày dự định họp lần

thứ nhất. Trong trường hợp này, Cuộc họp Hội đồng Thành viên triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Đại diện dự họp đại diện cho ít nhất 50% Vốn Điều lệ. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, Cuộc họp Hội đồng Thành viên triệu tập lần thứ ba vẫn được tiến hành bất kể số lượng Đại diện tham gia và tỷ lệ Vốn Điều lệ những Đại diện tham gia đó nắm giữ.

- 21.5 Cuộc họp Hội đồng Thành viên có thể được tiến hành qua điện thoại, hội nghị qua điện thoại hoặc video hoặc các cách thức liên lạc tức thời khác cho phép các cá nhân tham dự có thể đồng thời liên lạc với nhau.
- 21.6 Quy trình, thảo luận và nghị quyết được thông qua trong các cuộc họp Hội đồng Thành viên phải được ghi biên bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Biên bản của mỗi cuộc họp Hội đồng Thành viên phải được tất cả các Đại diện có mặt tại cuộc họp ký theo các quy định của Điều lệ này. Biên bản các cuộc họp Hội đồng Thành viên được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, các bản sao của biên bản gửi đến từng Đại diện phải có xác nhận của Chủ tịch.
- 21.7 Chủ tịch Hội đồng Thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Thành viên bằng văn bản khi quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng Thành viên thay cho việc quyết nghị bằng văn bản. Trong trường hợp này:
 - (a) Chủ tịch Hội đồng Thành viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo và gửi phiếu ý kiến đến các Đại diện bằng fax, thư điện tử, hoặc thư tín. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Pháp luật.
 - (b) Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ và chính xác được các Thành viên gửi về Công ty trong thời hạn do Chủ tịch quy định mới được coi là hợp lệ.
 - (c) Chủ tịch có trách nhiệm tập hợp phiếu ý kiến, và gửi báo cáo bằng văn bản về kết quả các ý kiến và quyết định đến tất cả các Đại diện trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn mà Đại diện phải gửi ý kiến về Công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội đồng thành viên và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Mục đích, nội dung lấy ý kiến;
 - (ii) Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo ủy quyền đã gửi phiếu lấy ý kiến hợp lệ; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện ủy quyền của thành viên mà không nhận được phiếu lấy ý kiến hoặc gửi phiếu lấy ý kiến không hợp lệ;

- (iii) Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết; tóm tắt ý kiến của thành viên về từng vấn đề lấy ý kiến (nếu có);
 - (iv) Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - (v) Các quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;
 - (vi) Họ, tên, chữ ký của người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo kết quả kiểm phiếu.
- 21.8 Cuộc họp Hội đồng Thành viên được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc một địa điểm khác do Chủ tịch quyết định, và thông báo bằng văn bản về các cuộc họp này phải được gửi trước đến các Đại diện khác của Hội đồng Thành viên.
- 21.9 Tất cả các nghị sự trong mỗi cuộc họp của Hội đồng Thành viên phải được ghi chép vào biên bản và được các Đại diện Hội đồng Thành viên có mặt trong cuộc họp đó ký. Nếu một cuộc họp của Hội đồng Thành viên không được tiến hành với sự có mặt thực tế của các Đại diện, thì từng Đại diện tham gia cuộc họp đó sẽ ký vào bản tương tự của biên bản cuộc họp, và mỗi bản đó được coi là biên bản gốc hợp lệ. Biên bản của các cuộc họp Hội đồng Thành viên sẽ được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và Chủ tịch có trách nhiệm lưu giữ các biên bản họp Hội đồng Thành viên.

ĐIỀU 22. QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

22.1 Hội đồng Thành viên có thẩm quyền quyết định những vấn đề sau đây:

- (a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty bao gồm nhưng không giới hạn ở chính sách kinh doanh và kế hoạch phát triển kinh doanh chung; xây dựng các mục tiêu trung và ngắn hạn, đặc biệt các kế hoạch kinh tế bao gồm đầu tư, lập kế hoạch tài chính và vay vốn;
- (b) các kế hoạch năm kể cả việc tài trợ, do Tổng giám đốc đề nghị;
- (c) các nguyên tắc tài chính và hạch toán áp dụng;
- (d) tỷ lệ phân bổ, số tiền và sử dụng việc phân bổ cho quỹ dự phòng, quỹ phát triển, và quỹ khen thưởng và phúc lợi;
- (e) việc phân bổ lãi ròng và các biện pháp đặc biệt cần thực hiện sau khi xảy ra các sự kiện không lường trước;

- (f) việc thành lập và thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty; thành lập các lĩnh vực chức năng đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Tổng giám đốc, và việc bổ nhiệm, bãi nhiệm và các điều khoản và điều kiện tuyển dụng, chức danh và thứ bậc;
- (g) các thay đổi đáng kể trong quy mô kinh doanh, bao gồm các Sản phẩm của Công ty;
- (h) liên doanh hoặc sáp nhập với, tham gia vào, hoặc rút khỏi các tổ chức kinh tế khác và thành lập các công ty mới, kể cả việc bổ nhiệm và bãi nhiệm các cơ quan điều hành của các công ty đó;
- (i) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công Ty;
- (j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, (các) Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác của Công ty;
- (k) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ Tịch HĐQT, Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác của Công ty;
- (l) bổ nhiệm và bãi nhiệm (các) kiểm toán viên bên ngoài;
- (m) tăng và giảm Vốn Điều lệ;
- (n) sửa đổi và thay đổi Điều lệ của Công ty;
- (o) sử dụng Vốn Điều lệ, chuyển giao hoặc chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Vốn Điều lệ hoặc các khoản đóng góp của các Bên;
- (p) thông qua bất kỳ thỏa thuận liên quan đến Vốn Vay hoặc biện pháp bảo đảm cần phải được thiết lập đối với toàn bộ hoặc một phần Vốn Vay;
- (q) gia hạn, chấm dứt, giải thể, và thanh lý Công ty;
- (r) thông qua bất kỳ hợp đồng bán hàng và các hợp đồng bán hàng dài hạn;
- (s) bất kỳ vấn đề nào khác mà Hội đồng Thành viên cho là cần thiết và có lợi cho Công ty; và
- (t) bất kỳ vấn đề nào khác mà Hội đồng Thành viên cho là thích hợp tùy từng thời điểm để giao cho Tổng giám đốc thực hiện.

- 22.2 Ngoài các vấn đề mà luật Việt Nam yêu cầu, tất cả các quyết định của Hội đồng Thành viên bao gồm những vấn đề được đề cập tại Điều 22.1 của Điều lệ này phải được phê chuẩn bởi một nghị quyết bằng văn bản của Hội đồng Thành viên được các Đại diện nắm giữ ít nhất 65% tổng số vốn góp của các thành viên có mặt trong cuộc họp thông qua trừ các quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, quyết định tổ chức lại, giải thể công ty phải được phê chuẩn bởi một nghị quyết bằng văn bản của Hội đồng Thành viên được các Đại diện nắm giữ ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên có mặt trong cuộc họp thông qua hoặc theo cách có được sự đồng ý bằng văn bản của (các) Thành viên nắm giữ ít nhất 75% Vốn Điều lệ.

ĐIỀU 23. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CHẤP THUẬN

- 23.1 Các hợp đồng và giao dịch sau đây phải được Hội đồng Thành viên thông qua, nếu các hợp đồng hoặc giao dịch này được ký kết giữa Công ty và:
- (a) một Bên hoặc các Đại diện của Bên đó, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty; và
 - (b) Người Có Liên Quan của những người được quy định tại Điểm (a), Điều 23.1.
 - (c) Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
 - (d) Người có liên quan của người quy định tại điểm c khoản này.
- 23.2 Người ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác thì Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; trong trường hợp này, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận nếu có sự tán thành của số thành viên đại diện ít nhất 65% tổng số vốn có quyền biểu quyết. Thành viên có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết.
- 23.3 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch được ký kết không đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

ĐIỀU 24. CHỨC TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

- 24.1 Chủ tịch Hội đồng Thành viên do MRTN đề cử và được Hội đồng Thành viên bầu chọn. Chủ tịch có thể được chỉ định kiêm Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng Thành viên là người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- (a) Chuẩn bị hoặc tổ chức chương trình, nội dung và tài liệu cho các cuộc họp Hội đồng Thành viên hoặc để lấy ý kiến các Đại diện;
 - (b) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng Thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các Đại diện;
 - (c) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng Thành viên; và
 - (d) Thay mặt Hội đồng Thành viên ký quyết định của Hội đồng Thành viên;
 - (e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.
- 24.2 Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng Thành viên là năm (05) năm. Chủ tịch có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Chủ tịch có thể bị bãi nhiệm bởi Hội đồng Thành viên.

ĐIỀU 25. PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

- 25.1 Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên do Hội đồng Thành viên bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên sẽ thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Thành viên theo qui định tại Điều lệ này khi được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản.
- 25.2 Nhiệm kỳ của Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên đồng thời với nhiệm kỳ của Hội đồng Thành viên. Số nhiệm kỳ mà Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên có thể đảm nhận không bị hạn chế.

ĐIỀU 26. TỔNG GIÁM ĐỐC

- 26.1 Tổng Giám đốc sẽ do MRTN đề cử và được bổ nhiệm bởi Hội đồng Thành viên. Hội đồng Thành viên trao trách nhiệm quản lý hàng ngày cho Tổng Giám đốc.
- 26.2 Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng Thành viên đối với việc thực hiện các quyết định do Hội đồng Thành viên ban hành và quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo hướng có lợi tốt nhất cho Công ty. Tổng Giám đốc được quyền thực hiện tất cả nhiệm vụ không thuộc Hội đồng Thành viên theo Điều lệ này hoặc theo quy định của Pháp luật.

26.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá ba (3) năm. Tổng Giám Đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

26.4 Theo quy định của Điều lệ này, Tổng giám đốc có các quyền hạn, nhiệm vụ và nghĩa vụ cụ thể như sau:

- (a) Thực hiện công việc một cách cẩn trọng và thành thạo bằng tất cả khả năng và nỗ lực cao nhất, kỹ năng và khả năng phán đoán của mình theo đúng chuyên môn về khai khoáng, chế biến và công nghệ chung trong ngành công nghiệp mỏ và phù hợp với luật và các quy định hiện hành về môi trường và các văn bản Pháp luật áp dụng khác, các thỏa thuận, cho phép và giấy phép liên quan đến Khu vực Dự án và Mỏ.
- (b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên.
- (c) Tiến hành, đàm nhận và thực hiện toàn bộ các giao dịch, hợp đồng, tuyển dụng, mua sắm, vận hành và đàm phán với các Bên không tham gia về bất kỳ vấn đề hoặc việc nào cam kết trên danh nghĩa Công ty.
- (d) Sau khi Hội đồng Thành viên thông qua chương trình phát triển, Tổng giám đốc sẽ cung cấp cho Hội đồng Thành viên một bản báo cáo tiến độ cho từng tháng dương lịch, trong vòng mười lăm (15) ngày sau khi kết thúc tháng đó, bao gồm một bản báo cáo tài chính hàng tháng và bản tóm lược chi phí phát sinh bởi Công ty.
- (e) Tổng giám đốc phải nỗ lực hết sức một cách hợp lý để thực hiện bất kỳ Chương trình Phát triển hoặc các Hoạt động Khai khoáng ("**Chương trình**") đã được Hội đồng Thành viên thông qua trong giới hạn cho phép của ngân sách. Tổng giám đốc không được thực hiện bất kỳ hoạt động nào không nằm trong Chương trình đó hoặc bất lý khoản chi tiêu nào vượt quá số tiền đã quy định trong ngân sách liên quan mà không giao thông báo bằng văn bản trước tiên đến Hội đồng Thành viên ít nhất là ba mươi ngày (30) trước khi thực hiện các hoạt động đó, trừ các trường hợp sau:
 - i. Khi các hoạt động đó không được đề cập cụ thể trong khuôn khổ các Chương trình, Tổng giám đốc được tiến hành tất cả các hoạt động được Pháp luật quy định hoặc theo các điều khoản của Hợp đồng;
 - ii. Trong trường hợp cần phải thực hiện các Chương trình đó, Tổng giám đốc có thể chi tiêu không quá mười phần trăm (10%) tổng chi phí của ngân sách đã phân bổ; hoặc
 - iii. Trong trường hợp cấp thiết, Tổng giám đốc được phép hành động và chi

tiêu ngay lập tức những khoản cần thiết cho Công ty để bảo vệ tính mạng, tài sản và sau đó phải nhanh chóng báo cáo và xin Hội đồng Thành viên phê duyệt cho hành động đó.

- (f) Để phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật tốt, Tổng giám đốc sửa đổi các kế hoạch công việc và chi tiêu của bất kỳ Chương trình nào đã được Hội đồng Thành viên phê chuẩn nếu thấy cần thiết và đệ trình các kế hoạch đã sửa đổi đó cho Hội đồng Thành viên thông qua.
- (g) Tổng giám đốc giám sát toàn bộ các mặt hoạt động của Mỏ trong Điều lệ này, bao gồm cả việc điều phối kỹ thuật, thiết kế và xây dựng Mỏ.
- (h) Tổng giám đốc chọn lựa và đàm phán với các nhà thầu và bên bán hàng về việc xây dựng, lắp đặt và cung cấp máy móc và thiết bị cho Công ty trên tinh thần đạt được tối đa các lợi ích kinh tế cho Công ty.
- (i) Tổng giám đốc thông qua các đặc điểm kỹ thuật, phụ lục, bản vẽ thi công và các bản xuất trình khác của các nhà thầu và nhà cung cấp máy móc và thiết bị cho Công ty.
- (j) Tổng giám đốc bảo đảm, cung cấp và thanh toán tất cả các vật liệu, vật tư, lao động, dụng cụ, đèn chiếu sáng, năng lượng, vận chuyển và các dịch vụ và phương tiện khác cho Công ty.
- (k) Tổng giám đốc ngăn ngừa một cách hợp lý nhất đối với mọi khiếm khuyết hoặc thiếu sót trong công việc của bất kỳ người nào thực hiện các dịch vụ cho Công ty.
- (l) Tổng giám đốc gìn giữ và bảo quản các tài sản của Công ty không để bị tịch thu, tịch biên, cầm giữ hoặc phán quyết; tuy nhiên, với điều kiện là Tổng Giám đốc không bị điều khoản trên đây cản trở việc tranh luận trên cơ sở thiện chí đối với bất kỳ khiếu nại nào mà Tổng Giám đốc coi là không chính đáng.
- (m) Tổng giám đốc phải lập tức quyết định nhằm tránh các quyền cầm giữ về xây dựng và các quyền cầm giữ khác và để tối đa hóa các khoản giảm giá và chiết khấu, các khoản còn nợ các nhà thầu, nhà cung cấp máy móc, thiết bị, tùy từng trường hợp.
- (n) Tổng giám đốc phải thực hiện những biện pháp phòng ngừa hợp lý hoặc các hoạt động trong trường hợp khẩn cấp mà Tổng Giám đốc cho rằng cần thiết hoặc thích hợp để tránh các tổn thất, hoặc thiệt hại đối với Khu vực Dự án và các tổn thất về nhân mạng và thương tật.

- (o) Tổng giám đốc duy trì Khu vực Dự án trong tình trạng tốt theo quy định của Pháp luật hiện hành, với điều kiện vào bất kỳ lúc nào và tùy từng thời điểm, khi có sự chấp thuận của Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc có quyền ngừng thuê toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào trong Khu vực Dự án hoặc không cho phép toàn bộ hoặc một phần Khu vực Dự án nói trên được gia hạn thêm, tuy nhiên chỉ sau khi đã thông báo bằng văn bản trước cho Hội đồng Thành viên về dự định đó ít nhất sáu mươi (60) ngày sau ngày quyết định ngừng cho thuê hoặc ngừng cho gia hạn.
- (p) Tổng giám đốc thanh toán hoặc thu xếp việc thanh toán thay cho Công ty, tất cả tài sản, hoạt động kinh doanh, thuế thu nhập, thuế giá trị gia tăng, thuế đối với quyền sử dụng đất, các loại thuế nội địa, lệ phí hải quan và các khoản thuế và phí khác đến hạn phải trả và nhanh chóng cung cấp cho Hội đồng Thành viên các bản sao của bất kỳ khoản tính toán thuế đã nhận được đó và nếu thích hợp, phản đối bất kỳ khoản thuế được tính nào nói trên.
- (q) Tổng giám đốc sử dụng các nhà chuyên môn và tư vấn các dịch vụ kỹ thuật kiến trúc, thiết kế, pháp lý đặc biệt và các dịch vụ chuyên nghiệp khác khi cần thiết hoặc có nhu cầu.
- (r) Tổng Giám đốc tham gia ký kết bất kỳ hợp đồng thuê, thuê mua hoặc bán và dàn xếp cho thuê lại hoặc các hợp đồng liên quan hoặc phát sinh nghĩa vụ nào đối với máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu, và các phương tiện khác khi cần thiết.
- (s) Tổng Giám đốc có quyền bán hoặc quyền định đoạt khác đối với các tài sản đã qua sử dụng cho Công ty mà theo ý kiến của Tổng giám đốc là không còn cần thiết cho các hoạt động, và Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm cho các quyết định đó của mình. Trong trường hợp (các) tài sản có giá trị thay thế trên 50.000 (năm mươi ngàn) Đôla Mỹ thì phải có văn bản đồng ý của Hội đồng thành viên trước khi tiến hành việc xử lý đó.
- (t) Trong trường hợp phát sinh bất kỳ vụ kiện tụng, khiếu nại, yêu cầu hoặc tố tụng bởi một Bên không tham gia đối với Khu vực Dự án, Tổng giám đốc phải bào chữa hoặc giải quyết một cách chu đáo đối với bất kỳ vụ kiện tụng, khiếu nại, yêu cầu hoặc tố tụng nào như vậy nhân danh Công ty và bằng chi phí của Công ty. Tuy nhiên, Tổng giám đốc phải có được văn bản đồng ý trước của Hội đồng Thành viên đối với việc giải quyết các vụ kiện tụng, khiếu nại, yêu cầu hoặc tố tụng khác trong trường hợp tổng giá trị khi giải quyết vượt quá 100.000 (một trăm ngàn) Đôla Mỹ.
- (u) Tổng giám đốc có thể, bằng văn bản chấp thuận của Hội đồng Thành viên và phù hợp với quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, tham gia ký kết bất kỳ hợp đồng nào trên danh nghĩa Công ty, trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường hoặc

bằng cách khác, với bất kỳ Công ty thành viên của một Người Tham gia hoặc với bất kỳ bên nào trong đó Người Tham gia hoặc bất kỳ Công ty thành viên nào có quyền lợi với điều kiện là hợp đồng đó có mức giá cạnh tranh với mức giá có thể đạt được khi giao dịch với các bên không có liên quan.

- (v) Tổng giám đốc gìn giữ và duy trì Khu vực Dự án, Mỏ trong điều kiện hoạt động tốt và hiệu quả và thực hiện hoặc giao kết để thực hiện, dưới danh nghĩa của Công ty, các sửa đổi, cải tạo và bổ sung đối với Khu vực Dự án, Mỏ, thay thế khi Hội đồng Thành viên có sự chấp thuận phù hợp.
 - (w) Tổng giám đốc có quyền, với sự chấp thuận của Hội đồng Thành viên, tạm ngưng các Hoạt động Khai khoáng trong một chừng mực cần thiết nhằm giảm hoặc bán hết các hàng hoá tồn đọng trong bất kỳ giai đoạn nào mà Sản phẩm không thể sản xuất và tiêu thụ ở mức lãi hợp lý bởi các lý do giá cả xuống thấp hoặc các lý do khác.
 - (x) Trong thời hạn hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm mua bảo hiểm và duy trì hiệu lực của các khoản bảo hiểm thích hợp nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty trong giới hạn của các khoản bảo hiểm đó.
 - (y) Tổng giám đốc phải tiếp thị, bán, giao hàng và tham gia vào các Hoạt động Thương mại liên quan đến các Sản phẩm có nguồn gốc một phần hoặc toàn phần từ Khu vực Dự án. Thông tin về các hoạt động kể trên sẽ được đệ trình trong báo cáo hàng tháng lên Hội đồng Thành viên trước ngày thứ 15 của tháng tiếp theo.
 - (z) Tổng giám đốc xây dựng các nguyên tắc liên quan đến nhân sự trong và ngoài nước, bao gồm các điều khoản và điều kiện tuyển dụng lao động, tiêu chuẩn tiền lương và tiền công, các khoản tiền thưởng, vận chuyển, hỗ trợ khẩn cấp tự nguyện, bảo hiểm lao động, bảo vệ người lao động, và các quy tắc, quy định về kỷ luật.
- 26.5 Tổng giám đốc sẽ xác định và giao trách nhiệm cho (các) Phó Tổng giám đốc và (các) Phó Tổng giám đốc sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ của mình.

ĐIỀU 27. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- 27.1 Phó Tổng giám đốc do Hội đồng Thành viên bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Phó Tổng giám đốc sẽ thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ theo sự phân công và sự uỷ quyền của Tổng giám đốc.
- 27.2 Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc đồng thời với nhiệm kỳ của Hội đồng Thành viên. Số nhiệm kỳ mà Phó Tổng giám đốc có thể đảm nhận không bị hạn chế.

ĐIỀU 28. NGHĨA VỤ CÂN TRỌNG VÀ TRUNG THÀNH

- 28.1 Các Đại diện, Tổng giám đốc, và Phó Tổng Giám đốc và Người Quản Lý khác phải trung thành với Công ty và các Bên, và các mục tiêu và phạm vi kinh doanh của Công ty.
- 28.2 Các Bên, các Thành viên, các Lãnh đạo và Kế toán trưởng phải thông báo cho Hội đồng Thành viên các tính chất và phạm vi của bất kỳ lợi ích vật chất cá nhân nào có thể ảnh hưởng đến các quyết định của họ đối với bất kỳ hợp đồng hoặc giao dịch sẽ được Công ty tham gia ký kết. Cho mục đích của điều khoản này, "lợi ích vật chất" nghĩa là bất kỳ giao dịch nào liên quan đến một Bên, Thành viên, Lãnh đạo và Kế toán trưởng có giá trị trên 5.000 Đôla Mỹ.

ĐIỀU 29. XUNG ĐỘT QUYỀN LỢI

Tổng giám đốc sẽ không kiêm nhiệm các chức vụ tại các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp, doanh nghiệp nhà nước hoặc các tổ chức nhà nước khác được thành lập theo pháp luật Việt Nam, trừ việc đảm nhiệm chức vụ trong các công ty con.

CHƯƠNG VII: LỢI NHUẬN, TÀI CHÍNH- KẾ TOÁN, NGÂN HÀNG, VÀ LƯƠNG THƯỞNG

ĐIỀU 30. PHÂN CHIA LÃI VÀ LỖ

- 30.1 Trước khi quyết định phân chia lợi nhuận sau thuế, Hội đồng Thành viên có quyền giữ lại một phần lợi nhuận để bổ sung vào các quỹ nội bộ để hỗ trợ cho hoạt động của Công ty. Tỷ lệ lợi nhuận được phân bổ vào các quỹ, mục đích và nguyên tắc sử dụng các quỹ này phải do Hội đồng Thành viên quyết định trên cơ sở xem xét kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tùy thuộc vào yêu cầu của Pháp luật.
- 30.2 Trong bất kỳ năm tài chính nào mà Công ty có được khoản lãi sau thuế, Công ty sẽ phân chia lợi nhuận đó (trừ đi bất kỳ khoản nào mà Hội đồng Thành viên quyết định giữ lại cho Công ty) cho các Bên theo tỷ lệ Phần Vốn góp (được điều chỉnh theo tỷ lệ để phản ánh các thay đổi đối với Phần Vốn góp của họ trong năm, nếu có), trừ đi bất kỳ khoản nào mà bất kỳ Bên nào còn nợ Công ty hoặc nợ bất kỳ Bên nào khác mà Bên nợ đó có nghĩa vụ phải thanh toán trước khi nhận phần lợi nhuận sau thuế. Mỗi Bên đều có trách nhiệm thanh toán bất kỳ khoản thuế được yêu cầu trên lợi nhuận được phân chia cho cơ quan thuế Việt Nam.
- 30.3 Nếu Công ty bị lỗ, Công ty được phép chuyển lỗ sang năm tài chính kế tiếp. Thời gian chuyển lỗ không quá năm (05) năm.

- 30.4 Việc tính khấu hao tài sản cố định của Công ty sẽ sử dụng phương pháp do Hội đồng Thành viên quyết định. Thời gian khấu hao tài sản cố định (máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các thiết bị điện tử) sẽ được áp dụng theo qui định của Pháp luật.
- 30.5 Nếu Hội đồng Thành viên quyết định rằng thời kỳ khấu hao tài sản cố định của Công ty có thể được khấu hao nhanh chóng theo các văn bản Pháp luật được ban hành sau này, Công ty sẽ nộp hồ sơ cần thiết cho các cơ quan có thẩm quyền của CHXHCNVN để được phê duyệt.

ĐIỀU 31. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

- 31.1 Năm tài chính của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch. Công ty có quyền áp dụng năm tài chính không trùng với năm dương lịch với điều kiện việc áp dụng đó được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền liên quan.
- 31.2 Kế toán trưởng chịu trách nhiệm quản lý công việc tài chính của Công ty theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc trong việc quản lý tài chính và lưu giữ các sổ sách kế toán của Công ty. Kế toán trưởng phải đảm bảo các hoạt động tài chính của Công ty được ghi chép một cách chính xác và đầy đủ trong các sổ sách kế toán.
- 31.3 Công ty sẽ áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ Pháp luật của CHXHCNVN về tài chính, kế toán và thống kê áp dụng cho công ty TNHH. Nếu Công ty áp dụng hệ thống kế toán thông dụng khác, Công ty phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và đạt được chấp thuận trước khi áp dụng hệ thống kế toán đó.
- 31.4 Công ty phải lưu giữ các sổ sách kế toán tài chính của mình trong lãnh thổ CHXHCNVN, lưu các bản báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật hiện hành và chịu sự kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực tài chính và thuế.
- 31.5 Các Báo cáo Tháng
- Tổng giám đốc sẽ đệ trình cho mỗi Bên các báo cáo tháng dưới dạng văn bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Các bản báo cáo đó bao gồm các thông tin theo yêu cầu đã nhận, các bản báo giá đã gửi đi, các đơn đặt hàng đã nhận, số liệu về sản lượng, hoá đơn các lô hàng đã gửi đi theo thông tin do Công ty cung cấp như tên khách hàng, địa chỉ, chủng loại Sản phẩm và giá cả. Bản báo cáo hàng tháng đó phải được nộp chậm nhất không quá ngày thứ mười lăm của tháng kế tiếp.
- 31.6 Các Báo cáo Quý

Trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi kết thúc mỗi quý của năm tài chính, Công ty sẽ lập báo cáo quý/báo cáo tài chính và sẽ gửi các bản báo cáo này đến mỗi Bên. Các bản báo

cáo tài chính sẽ bao gồm báo cáo về tài sản và nợ, và báo cáo lãi và lỗ, và được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Tổng giám đốc và Kế toán trưởng phải ký vào các báo cáo trên và đóng dấu Công ty.

31.7 Trong vòng ba (3) tháng kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty sẽ đệ trình cho mỗi Bên một bộ báo cáo tài chính hoàn chỉnh, bao gồm bản cân đối kế toán và báo cáo lãi lỗ được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Ngoài ra, Công ty sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán và chứng từ tại trụ sở chính của Công ty để các Bên hoặc đại diện của các Bên kiểm tra khi có yêu cầu.

31.8 Tất cả các chứng từ kế toán, sao kê, báo cáo và sổ sách tài chính của Công ty được viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Tuy nhiên, cho mục đích xử lý dữ liệu và kiểm toán, các nội dung cần thiết của từng loại sẽ được viết bằng tiếng Anh. Bản báo cáo tài chính hàng năm của Công ty (ví dụ như báo cáo thu nhập và bản cân đối kế toán) được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

31.9 Các Báo cáo Tài chính hàng năm

(a) Một kiểm toán viên độc lập, do Hội đồng Thành viên chỉ định, sẽ kiểm toán hàng năm đối với các báo cáo tài chính, các khoản thanh toán và kế toán kế toán của Công ty bằng các thông lệ tốt nhất được quốc tế chấp nhận. Kiểm toán viên sẽ đệ trình bản báo cáo của mình cho Hội đồng Thành viên.

i. Ngay sau khi nhận được báo cáo của kiểm toán viên, Tổng giám đốc phải đệ trình không chậm trễ bản báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo thường niên và báo cáo của kiểm toán viên lên Hội đồng Thành viên để xem xét.

ii. Khi kết thúc sáu (6) tháng đầu tiên của mỗi năm tài chính, Hội đồng Thành viên sẽ chuẩn y bản báo cáo tài chính năm và việc sử dụng lợi nhuận ròng của năm.

31.10 Công ty sẽ lấy VNĐ làm loại tiền hạch toán, trừ khi Hội đồng Thành viên thỏa thuận khác đi. Song song với VNĐ và trên cơ sở hàng tháng, đồng Đôla Mỹ có thể được đưa vào hệ thống kế toán của Công ty để phản ánh sự biến động của tỷ giá hối đoái chính thức giữa VNĐ/Đôla Mỹ do cơ quan có thẩm quyền quản lý ngoại hối của CHXHCNVN công bố. Việc ghi sổ các giao dịch ngoại tệ phải được thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 32. THUẾ

32.1 Công ty phải đăng ký, kê khai và thanh toán các khoản thuế đúng hạn và đầy đủ theo Pháp luật hiện hành. Công ty phải kịp thời làm đơn để được hưởng ưu đãi về thuế do Pháp luật quy định.

- 32.2 Các Bên sẽ hỗ trợ Công ty về mọi thủ tục và công việc giấy tờ cần thiết để đảm bảo rằng Công ty có được các lợi ích ưu đãi trong thời gian ngắn nhất có thể, đặc biệt là việc xin miễn giảm thuế lợi tức.
- 32.3 Công ty phải kịp thời làm đơn đề nghị miễn thuế xuất khẩu cho các Sản phẩm và miễn thuế nhập khẩu và lệ phí hải quan đối với các nguyên liệu và thiết bị nhập khẩu.

ĐIỀU 33. THÙ LAO, LƯƠNG VÀ THƯỞNG

- 33.1 Công ty phải thanh toán tiền lương và các phụ cấp khác trực tiếp cho người lao động đầy đủ, đúng hạn và tại nơi làm việc của người lao động. Tất cả các khoản thanh toán sẽ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật lao động có liên quan của Việt Nam áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- 33.2 Tổng Giám đốc có thể, phụ thuộc vào sự chấp thuận của Hội đồng tiền lương bao gồm hai thành viên của Hội đồng Thành Viên là người đại diện của MRTN (“Hội đồng tiền lương”), tăng lương và tiền công của người lao động trong Công ty và chi tiền thưởng xứng với nỗ lực, kinh nghiệm và chuyên môn của họ.
- 33.3 Thù lao, tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc sẽ được xem xét và đề nghị bởi Hội đồng tiền lương phù hợp với thông lệ được quốc tế chấp nhận và hoạt động kinh doanh của Công ty và được chấp thuận bởi Hội đồng Thành viên.

ĐIỀU 34. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG VÀ NGOẠI HỐI

- 34.1 Công ty sẽ mở các tài khoản ngân hàng bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại một ngân hàng hoạt động tại Việt Nam.
- 34.2 Để đáp ứng các yêu cầu của các bên cho vay, khi có sự chấp thuận của Hội đồng Thành viên, và được Pháp luật cho phép, Công ty cũng sẽ mở các tài khoản ngoại tệ bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

CHƯƠNG VIII: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

ĐIỀU 35. CÁC CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

- 35.1 Công ty sẽ tuyển dụng một số lượng người lao động theo quyết định của Hội đồng Thành viên cần thiết để thực hiện Hoạt động Kinh doanh một cách hiệu quả, có hiệu suất và kinh tế theo cách thức mà các Bên dự kiến.
- 35.2 Tất cả người lao động phải có kiến thức, năng lực, kỹ năng và kinh nghiệm mà vị trí công việc đòi hỏi, theo ý kiến của Hội đồng Thành viên hoặc Tổng giám đốc tùy từng trường hợp, thích hợp để những người lao động đó có thể thực hiện có hiệu quả và có hiệu suất đáp ứng được yêu cầu của Công ty các nhiệm vụ và công việc mà họ sẽ phải đảm nhận.

- 35.3 Công ty có thể bổ nhiệm người nước ngoài để thực hiện các công việc chuyên môn thích hợp.
- 35.4 Các điều khoản và điều kiện tuyển dụng lao động của Công ty sẽ do Hội đồng Thành viên hoặc Tổng giám đốc xác định nếu thấy cần thiết nhưng trong mọi trường hợp phải tuân thủ Điều lệ và các thông lệ quốc tế mà Công ty và Pháp luật áp dụng và Công ty sẽ ký kết hợp đồng lao động trực tiếp với tất cả người lao động.
- 35.5 Nhân viên của Công ty sẽ được tuyển dụng thông qua các hợp đồng lao động được lập bằng văn bản và được quyết định tại nội qui lao động và được Tổng Giám đốc và từng người lao động ký.
- 35.6 Tổng Giám đốc sẽ quyết định tiền công, mức lương, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, các ưu đãi, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, và các phúc lợi công việc khác cho người lao động Công ty theo quy định của Pháp luật.
- 35.7 Tổng Giám đốc sẽ soạn thảo nội quy làm việc có hiệu lực khi được Hội đồng Thành viên chấp thuận và được đăng ký cho cơ quan có thẩm quyền.
- 35.8 Tổng Giám đốc sẽ soạn thảo các hướng dẫn chi phí công tác đối với các chuyến công tác của nhân viên cũng như các quy chế áp dụng trong Công ty.
- 35.9 Trên cơ sở thương lượng tập thể tự do và tự nguyện, Tổng giám đốc và đại diện của người lao động sẽ ký kết thỏa ước lao động tập thể. Thỏa ước lao động tập thể này sẽ bao gồm các mức lương áp dụng cho từng loại công việc trong Công ty, điều kiện làm việc, bảo hiểm xã hội, phúc lợi cộng tác và các nội dung khác được các bên thống nhất.
- 35.10 Tất cả các vấn đề liên quan đến người lao động trong Công ty như tuyển dụng, sa thải, đào tạo, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi, lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, an toàn lao động, y tế, thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp lao động phải phù hợp với quy định của Pháp luật. Trong khuôn khổ đó, các quy định sau sẽ được áp dụng:
- (a) Nhân sự được tuyển dụng sẽ do Tổng Giám đốc hoặc người đại diện của Tổng Giám đốc lựa chọn theo qui định của Pháp luật và các nguyên tắc được Hội đồng Thành viên phê chuẩn. Theo quy định, trước tiên, các ứng viên phải đạt yêu cầu trong phần kiểm tra trình độ chuyên môn và sức khỏe.
 - (b) Sau đó, các ứng viên đủ điều kiện phải trải qua giai đoạn thử việc là sáu mươi (60) ngày, hoặc một khoảng thời gian cụ thể khác theo quy định của Pháp luật. Nếu không đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn thử việc, các ứng viên này sẽ bị thôi việc. Các nhân viên làm việc tại các vị trí có chuyên môn kỹ thuật cao hoặc vị trí quản lý cấp phòng, ban hoặc vị trí quản lý cấp cao phải thông thạo tiếng Anh.

- (c) Trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng các quy chế và quy định của Công ty, người vi phạm từ chối sửa chữa hành vi của mình dù đã bị cảnh cáo nhiều lần sẽ bị sa thải.
- (d) Công ty sẽ quy định các mức tiền công và lương, thưởng, phụ cấp, v.v. cho nhân viên tùy thuộc vào công việc mà nhân viên hoàn thành, có xét đến khả năng và năng lực của từng cá nhân.
- (e) Công ty sẽ thực hiện các bước cần thiết để đảm bảo an toàn, bảo vệ khi làm việc và bảo vệ công nhân, và thực hiện các chính sách bảo hiểm tai nạn cho nhân viên. Nếu phát hiện có bất kỳ điều kiện nào ảnh hưởng đến tính mạng và sức khỏe của nhân viên tại các nhà xưởng của Công ty, Công ty sẽ thực hiện các bước cần thiết để giải quyết vấn đề này ngay lập tức trong một khoảng thời gian hợp lý.
- (f) Nhân viên của Công ty có quyền nghỉ các ngày quốc lễ và các ngày nghỉ phép hưởng nguyên lương theo quy định của Pháp luật.
- (g) Trong trường hợp Công ty buộc phải thu hẹp quy mô hoạt động hoặc do cần phát triển công nghệ, Công ty có quyền giảm nhân viên. Nhân viên sẽ được trợ cấp theo quy định của Pháp luật có thể và bắt buộc áp dụng tại thời điểm đó. Sau đó, Công ty không có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với các nhân viên bị thôi việc đó. Căn cứ vào nhu cầu theo kế hoạch của Công ty, Công ty có thể tăng hoặc giảm nhân viên theo quyết định của Tổng Giám đốc, người thực hiện các công việc trong phạm vi quyền hạn được Hội đồng Thành viên ủy quyền.

CHƯƠNG IX: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 36. CHẤM DỨT

- 36.1 Điều lệ này sẽ có hiệu lực vào Ngày Hiệu lực, và tiếp tục có hiệu lực cho đến khi Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động hoặc theo các trường hợp khác do Pháp luật quy định (“Ngày Chấm dứt”).
- 36.2 Dù có các trường hợp nêu trên, Điều lệ này có thể chấm dứt trước Ngày Chấm dứt trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt Điều lệ trước thời hạn; hoặc
 - (b) Hội đồng Thành viên có ý kiến rằng lỗ lũy kế của Công ty nhiều đến mức Công ty không nên tiếp tục hoạt động và nên được thanh lý; hoặc
 - (c) Các Bên thực hiện quyền chấm dứt Điều lệ theo các quy định khác của Pháp luật; hoặc

(d) Một Bên mua toàn bộ quyền của các Bên khác.

36.3 Công ty có thể giải thể theo quy định của Pháp luật và Điều 36 và 37 của Điều lệ này. Các Bên sẽ nhận phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với phần vốn góp của mình trong Công ty sau khi Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và các khoản nợ phải trả theo thứ tự ưu tiên theo quy định của Pháp luật.

36.4 Việc chấm dứt Điều lệ này không làm ảnh hưởng đến các quyền hoặc các khoản nợ lũy kế của một Bên trước khi chấm dứt, cũng không làm ảnh hưởng đến việc áp dụng các quy định được nêu rõ là sẽ vẫn tiếp tục còn hiệu lực sau khi Điều lệ này chấm dứt.

ĐIỀU 37. GIẢI THỂ

37.1 Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà Hội đồng thành viên không có quyết định gia hạn;
- b) Theo quyết định của Hội đồng thành viên;
- c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- d) Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

37.2 Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

ĐIỀU 38. THỦ TỤC GIẢI THỂ

38.1 Hội đồng Thành viên thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 202 Luật Doanh nghiệp. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty. Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự như tại quy định tại Điều 202 Luật Doanh nghiệp.

38.2 Trong trường hợp giải thể Công ty, Hội đồng Thành viên sẽ bổ nhiệm một ban thanh lý theo tỷ lệ Phần Vốn góp tương ứng của các Bên.

- 38.3 Các thành viên ban thanh lý sẽ được chọn từ các Đại diện tại thời điểm đó và các kiểm toán thuê hoặc các nhân viên có trình độ chuyên môn.
- 38.4 Tất cả các thành viên, bằng nỗ lực cao nhất và tại mọi thời điểm, phải cố gắng đạt được thỏa thuận chung về mọi vấn đề. Chỉ trong những trường hợp không thể đạt được thỏa thuận chung thì các thành viên mới quyết định bằng cách biểu quyết theo tỷ lệ đại diện cho 75% Vốn Điều lệ.
- 38.5 Trong quá trình giải thể, ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty và có quyền khởi kiện, bị kiện nhân danh Công ty.
- 38.6 Các công việc của ban thanh lý như sau:
- (a) tiến hành kiểm toán toàn bộ tài sản Công ty, các quyền và nghĩa vụ của các chủ nợ của Công ty;
 - (b) lập bản cân đối kế toán và danh mục tài sản;
 - (c) đưa ra cơ sở xác định tài sản nào cần định giá;
 - (d) lập kế hoạch thanh lý; và
 - (e) soạn báo cáo về việc thanh lý phù hợp với quy định của Pháp luật.
- 38.7 Kế hoạch giải thể sẽ được thực hiện sau khi có phê duyệt của Hội đồng Thành viên, và việc giải thể sẽ được thực hiện theo Pháp luật, cũng như theo Điều lệ.
- 38.8 Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính để giải thể, ban thanh lý phải áp dụng, trên cơ sở thống nhất, các nguyên tắc được sử dụng trong việc lập bản cân đối kế toán được kiểm toán hàng năm cho Công ty. Ban thanh lý phải trình phê duyệt các báo cáo tài chính lên Hội đồng Thành viên cho mục đích thanh lý trong vòng chín mươi (90) ngày sau ngày thông qua nghị quyết của Hội đồng Thành viên về việc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động Công ty. Nếu ban thanh lý không chuẩn bị các báo cáo tài chính trong thời hạn 90 ngày nêu trên, mỗi thành viên ban thanh lý phải đệ trình ý kiến của mình lên Hội đồng Thành viên, và Hội đồng Thành viên sẽ quyết định dựa trên các ý kiến này.
- 38.9 Các báo cáo tài chính cho mục đích thanh lý và việc định giá các Phần Vốn góp của các Bên sẽ được kiểm toán bởi kiểm toán viên bên ngoài có đăng ký của Công ty, được chỉ định theo Điều 30.9 của Điều lệ này, và được nộp cho các Bên trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi đã nộp để kiểm toán. Nếu kiểm toán viên không chấp thuận các báo cáo tài chính và bản định giá trong thời gian 30 ngày nói trên, hoặc nếu các Bên không đồng ý với các báo cáo tài chính được kiểm toán trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi nộp các báo cáo tài chính và bản định giá, mỗi Bên có quyền yêu cầu kiểm toán bổ sung, thực hiện bởi một công ty kế toán được quốc tế công nhận do Bên đó chọn. Các Bên và Công ty sẽ hợp tác đầy đủ trong

việc kiểm toán bổ sung này. Bên yêu cầu kiểm toán bổ sung sẽ chịu mọi chi phí phát sinh trong việc kiểm toán bổ sung này.

- 38.10 Điều lệ này sẽ hết hiệu lực khi hoàn tất việc thanh lý đó. Việc chấm dứt Điều lệ này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền và công nợ của một Bên phát sinh trước khi chấm dứt Điều lệ.
- 38.11 Các khoản tiền thu được từ việc thanh lý Công ty, sau khi thanh toán các nghĩa vụ cho các Bên không tham gia theo thứ tự ưu tiên theo luật định, sẽ được phân chia cho các Bên theo tỷ lệ tương ứng tại thời điểm đó tham gia vào Vốn Điều lệ đã góp.
- 38.12 Các chi phí thanh lý và thù lao cho các thành viên ban thanh lý sẽ được thanh toán từ các tài sản hiện có của Công ty.
- 38.13 Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty, người đại diện theo pháp luật của Công ty phải gửi hồ sơ giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh xoá tên Công ty trong sổ đăng ký kinh doanh.

ĐIỀU 39. QUYỀN MUA LẠI KHI GIẢI THỂ

Nếu Hội đồng Thành viên thông qua nghị quyết về việc giải thể Công ty, MRTN có quyền ưu tiên lựa chọn để tiếp tục hoạt động kinh doanh Công ty, tùy thuộc vào các phê duyệt của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. MRTN có nghĩa vụ mua Phần Vốn góp của các Bên khác (Bên Bán) trong Công ty theo giá được tính toán và trả như sau:

- (a) MRTN sẽ thảo luận và đồng ý về một giá mua mà trong mọi trường hợp phản ánh được giá trị hiện hành (bao gồm cả giá trị thương hiệu) và khả năng sinh lời dự kiến trong tương lai của Công ty. Phương thức tính toán giá cả về quyền lợi của bất kỳ Bên Bán nào được dựa trên:
- i. giá trị thuần của Công ty, được xác định trong bảng cân đối kế toán có hiệu lực áp dụng vào ngày mà Hội đồng Thành viên thông qua nghị quyết giải thể Công ty, được nhân với tỷ lệ phần trăm Phần Vốn góp của Bên Bán có tại thời điểm đó; cộng với
 - ii. phần chi trả cộng thêm đạt được do thương thảo một cách thiện chí phản ánh giá trị hiện hành và sự ước định về khả năng sinh lời dự kiến về lâu dài của Công ty, có áp dụng các nguyên tắc kế toán được quốc tế công nhận liên quan đến hoạt động kinh doanh.

- (b) Trong trường hợp Bên Bán và MRTN không đạt được thỏa thuận về giá cả, các Bên phải chỉ định một ban định giá có đủ trình độ để định giá phần vốn của Bên Bán bằng cách tính toán giá cả trên cơ sở của Điều 37.1 (a)(i) và (a)(ii) ở trên;
- (c) Ban định giá sẽ bao gồm ba thành viên, tất cả đều là các kế toán viên có đăng ký hoặc có bằng cấp hoặc là những người định giá doanh nghiệp khác có đủ trình độ. Bên Bán sẽ chọn một thành viên, MRTN chọn một thành viên và thành viên thứ ba sẽ được chọn bởi hai thành viên do hai bên lựa chọn trước đó. Bên Bán và Bên Mua sẽ phải tuân thủ thực hiện việc mua bán phù hợp với giá cả đã được xác định với sự nhất trí của ban định giá;
- (d) Sau khi giá mua đã được thỏa thuận hoặc xác định bằng cách khác, các Bên phải nỗ lực đến mức cao nhất để bảo đảm có được các sự chấp thuận cần thiết của các cơ quan nhà nước có liên quan và tuân thủ tất cả thủ tục hành chính liên quan đến việc mua. Các khoản thanh toán liên quan đến việc mua phần vốn của một trong hai Bên trong Công ty sẽ được thực hiện trong vòng chín mươi (90) ngày sau khi hoàn tất giao dịch mua.

CHƯƠNG X: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

ĐIỀU 40. CÁC TÀI LIỆU CẦN LƯU GIỮ

40.1 Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

- (a) Điều lệ này, và các bản sửa đổi, bổ sung của nó; quy chế nội bộ của Công ty; Sổ Đăng ký Thành viên;
- (b) Giấy CNĐKKD, Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản sửa đổi, bổ sung; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
- (c) Các Tài liệu, giấy tờ xác nhận và là bằng chứng cho quyền sở hữu tài sản của công ty;
- (d) Các Biên bản họp Hội đồng Thành viên và các nghị quyết của Hội đồng Thành viên;
- (e) Các Kết luận của các cơ quan thanh tra, báo cáo của các kiểm toán viên độc lập;
- (f) Các Sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
- (g) Các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật.

40.2 Công ty phải lưu giữ và duy trì các tài liệu và giấy tờ quy định tại Điều 38.1 tại trụ sở chính của Công ty. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 41. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 41.1 Pháp luật của CHXHCN Việt Nam sẽ áp dụng đối với việc soạn thảo, hiệu lực, giải thích và ký kết Điều lệ này, kể cả các phụ chương và phụ lục.
- 41.2 Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản và điều kiện thỏa thuận trong Điều lệ này một cách thiện chí. Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Điều lệ này, các Bên trước tiên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng và dàn xếp thiện chí.
- 41.3 Nếu tranh chấp đó không giải quyết được thông qua thương lượng và dàn xếp thiện chí trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi có thông báo của một Bên về ý định muốn giải quyết vấn đề đó, bất kỳ tranh chấp nào cũng được giải quyết bởi Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Việt Nam
- 41.4 Trước khi giải quyết bất kỳ tranh chấp nào theo Điều khoản này, các Bên vẫn phải tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Điều lệ này mà không làm ảnh hưởng đến điều chỉnh sau cùng theo bản án hoặc quyết định được đưa ra từ quá trình giải quyết tranh chấp đó. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào các phiên xử của tòa án cũng không ngăn cản bất kỳ bên nào thực thi quyền chấm dứt của mình theo Điều Lệ này.
- 41.5 Các vấn đề không được quy định trong Điều lệ này sẽ được quyết định bằng sự hội ý và đồng ý bằng văn bản của các Bên.

ĐIỀU 42. NGÀY HIỆU LỰC

Điều lệ này gồm 43 Điều, được Hội Đồng Thành Viên thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ..28.. tháng 11 năm 2018 (“Ngày Hiệu Lực”).

ĐIỀU 43. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 43.1 Không có sự điều chỉnh hoặc sửa đổi nào trong Điều lệ này có hiệu lực trừ khi được Hội đồng Thành viên thông qua.
- 43.2 Vào bất kỳ thời điểm nào, nếu bất kỳ quy định nào trong Điều lệ này vô hiệu hoặc trở nên vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thực thi được theo Pháp luật, thì điều khoản đó sẽ có thể được phân chia và tách biệt khỏi các điều khoản khác và tính hiệu lực, tính hợp pháp và tính thực thi của các điều khoản còn lại sẽ không bị ảnh hưởng.
- 43.3 Điều lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công Ty. Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty và thay thế bản Điều Lệ và các phụ lục sửa đổi Điều Lệ trước đây.

TRANG KÝ

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN ĐĂNG QUANG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

